

# KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (LCG)

## CTCP Lizen

Ngày 15/01/2024	<b>11,750 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.4%	11.9%	-

**DT thuần**  
2023

**2,031**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,025 | 102%

**LN thuần**  
2023

**154**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼103 | -40.0%

**LN sau thuế**  
2023

**118**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼76.0 | -39.1%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**9.9%**

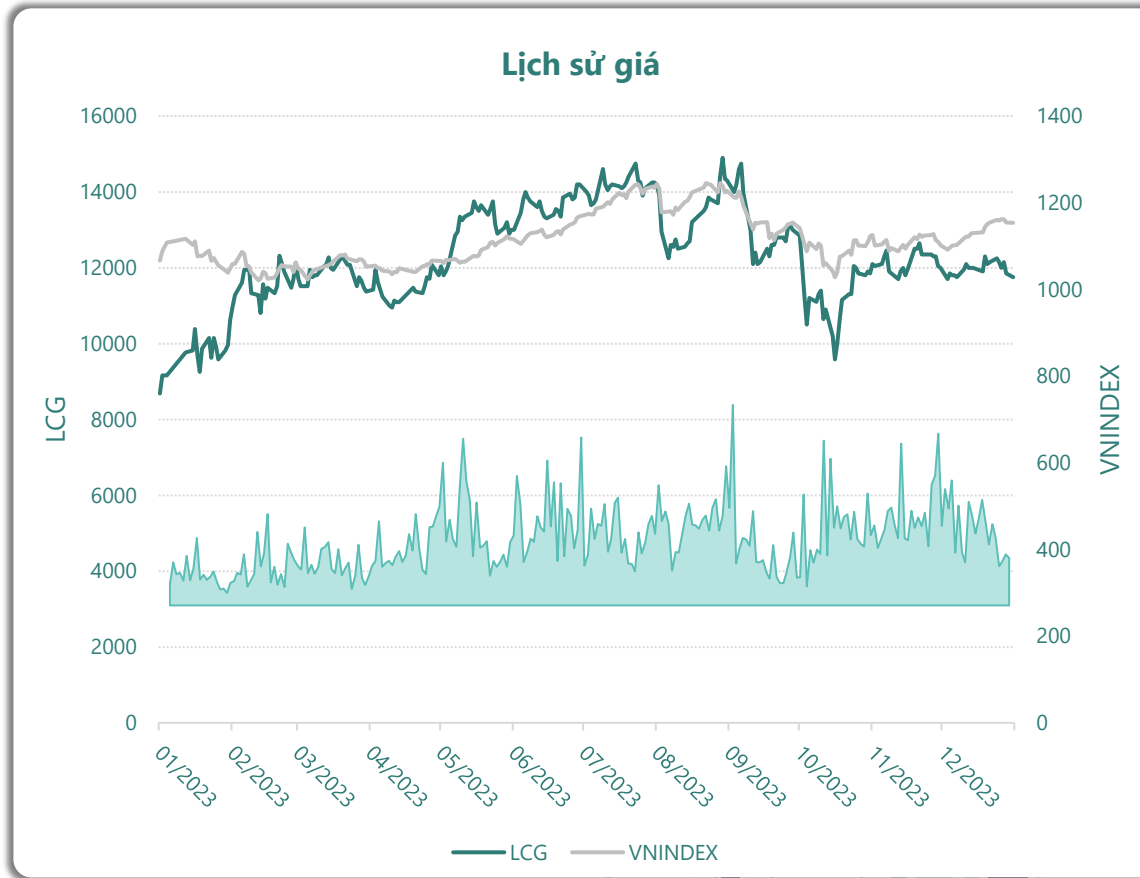
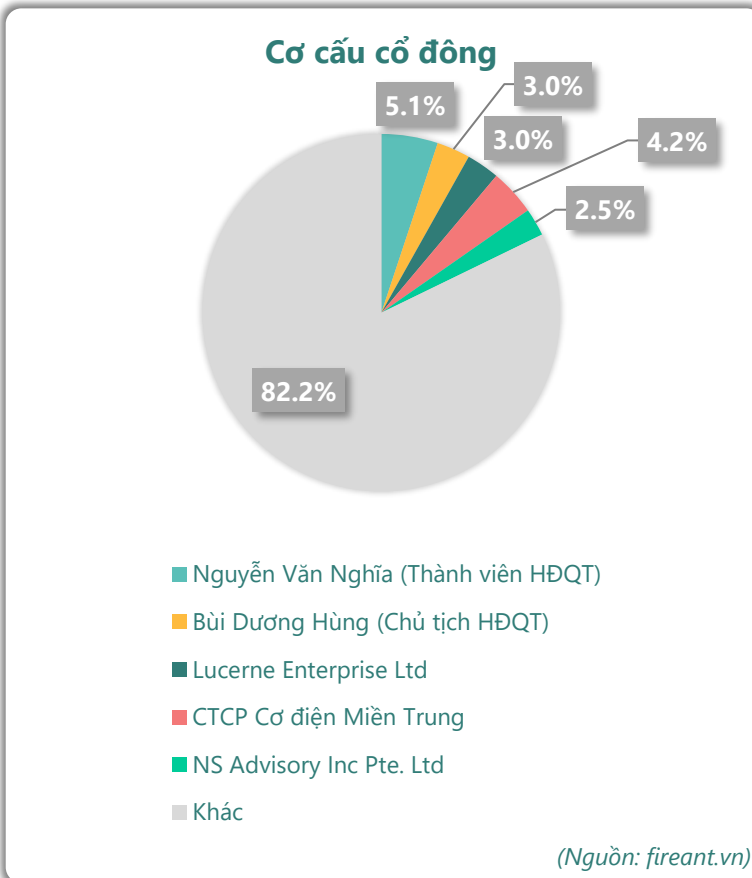
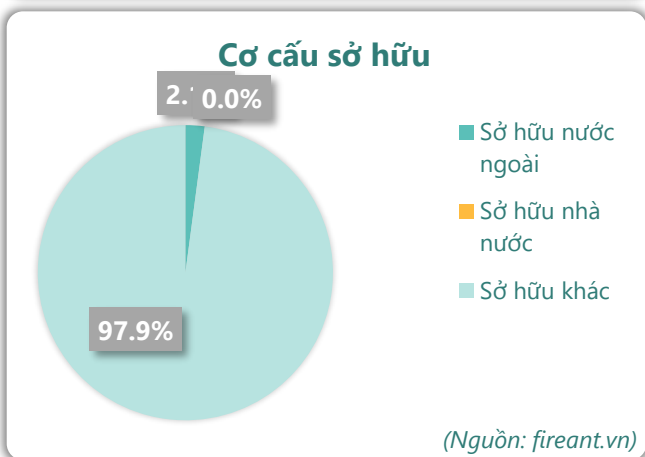
YoY: +/- ▼ 21.5%

**ROE**  
2023

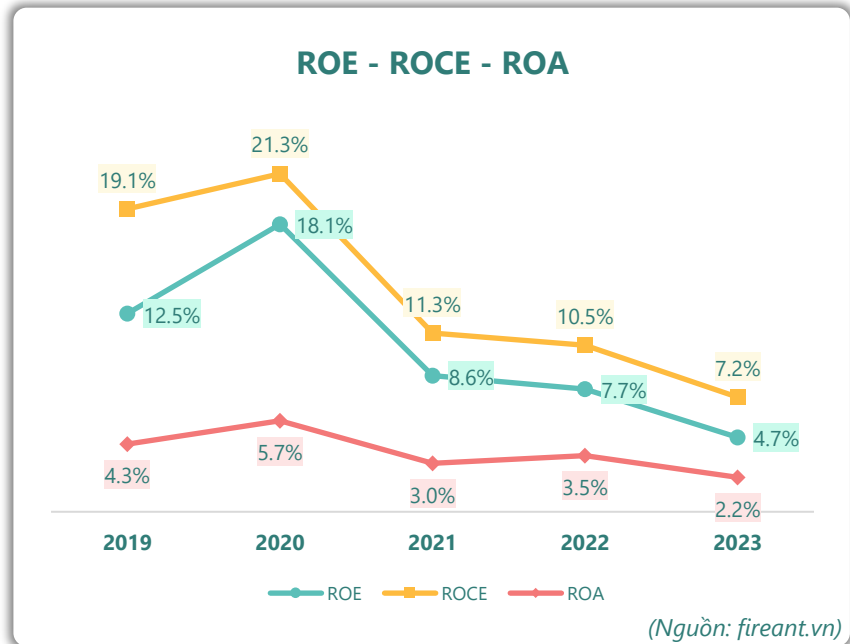
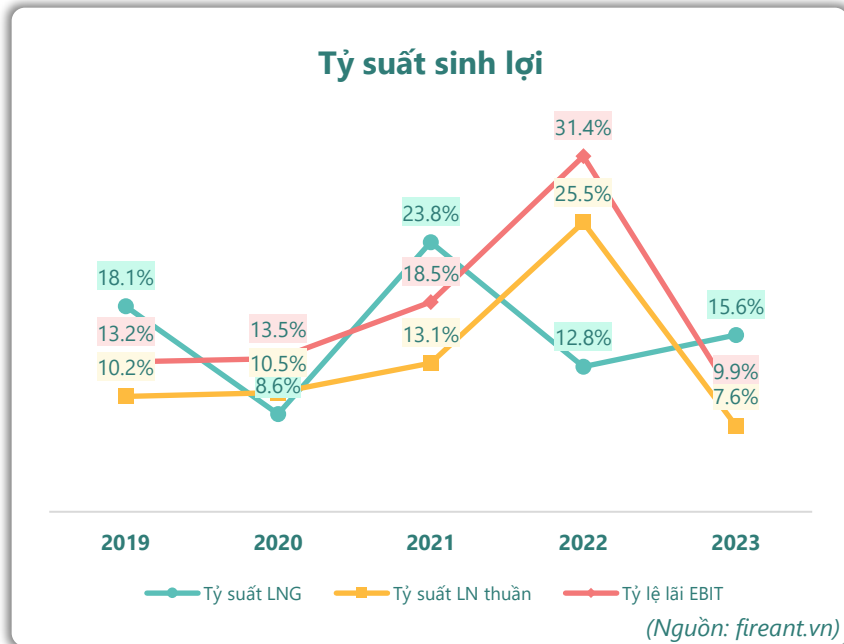
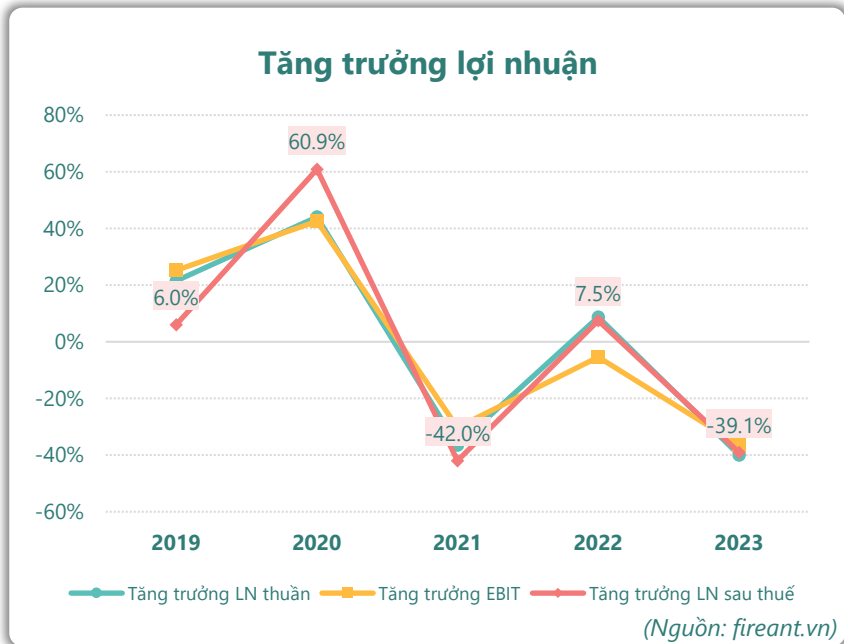
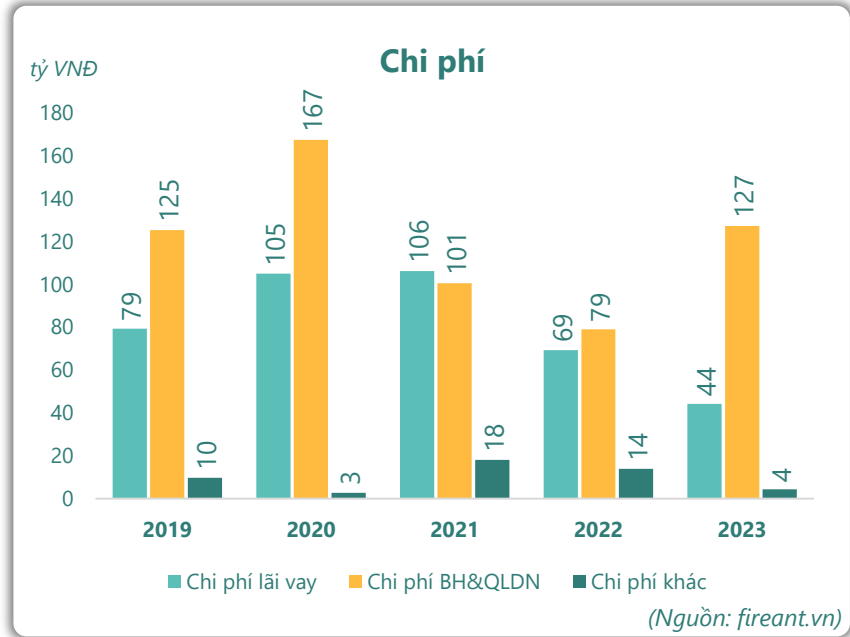
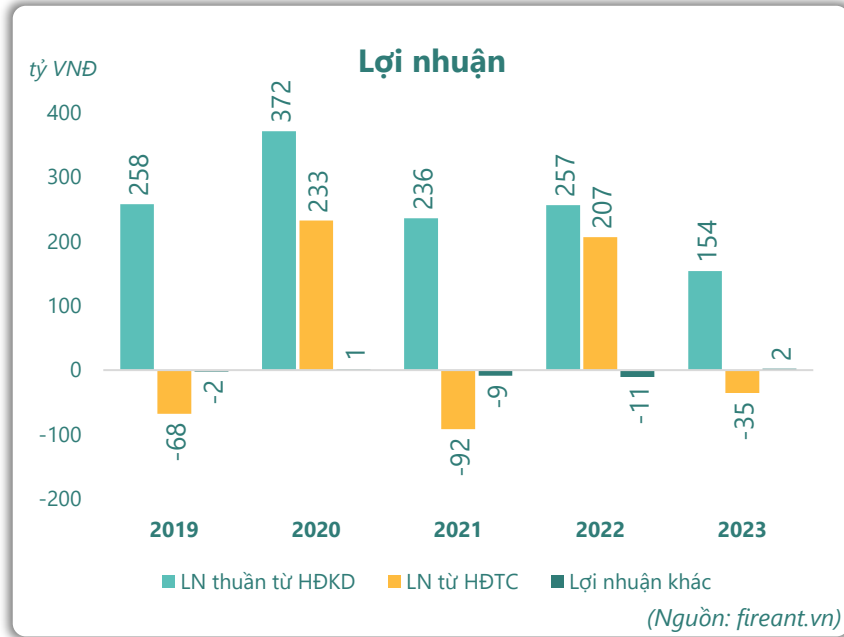
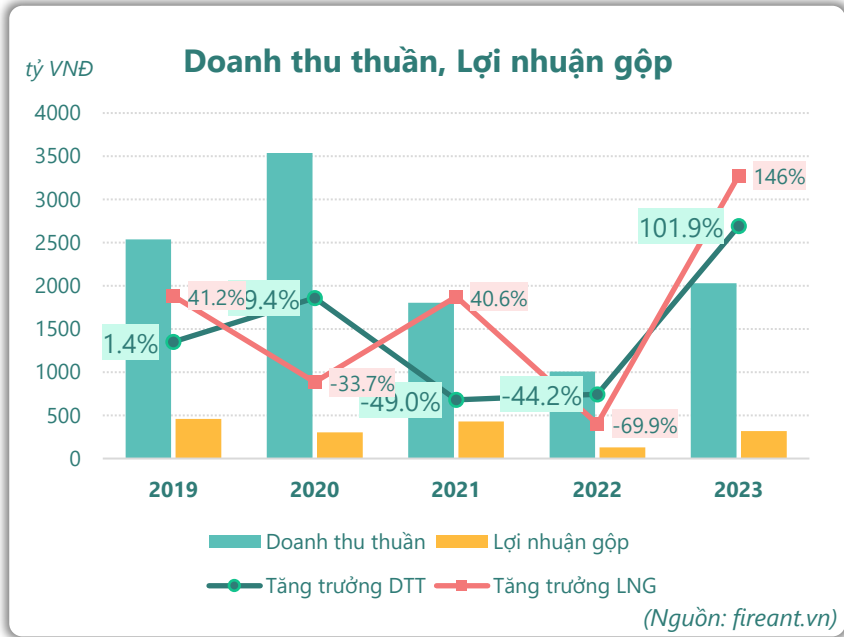
**4.7%**

YoY: +/- ▼ 3.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,685 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,228
Số lượng CPLH (CP)	189,640,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,633,805
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	1.75
EPS	635
P/E	18.9



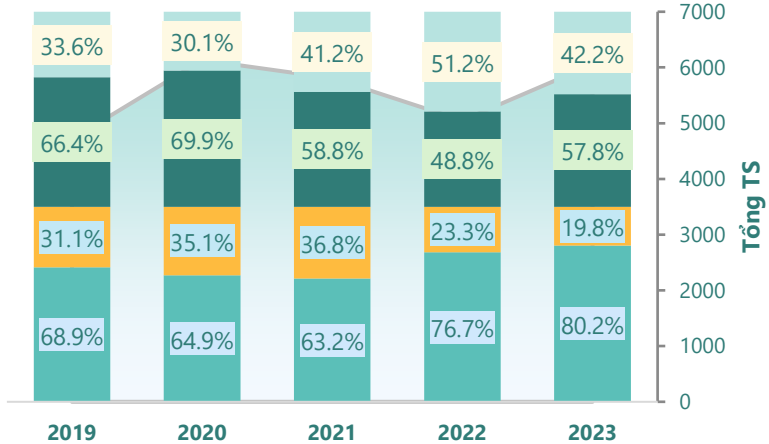
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

### Cơ cấu Tổng tài sản

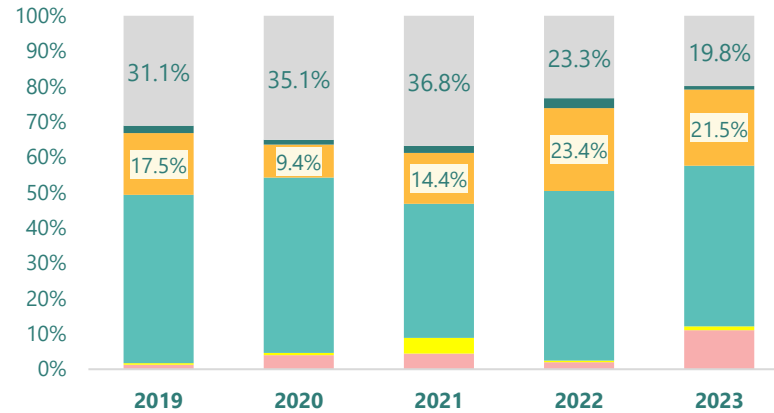
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản 
 ■ TS ngắn hạn 
 ■ TS dài hạn 
 ■ Nợ phải trả 
 ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

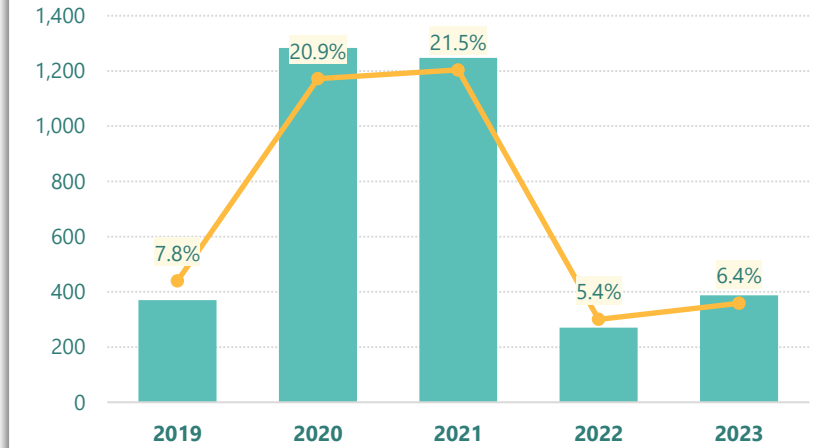


■ Tiền và tương đương tiền 
 ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn 
 ■ Phải thu ngắn hạn 
 ■ Hàng tồn kho 
 ■ Tài sản ngắn hạn khác 
 ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

tỷ VNĐ

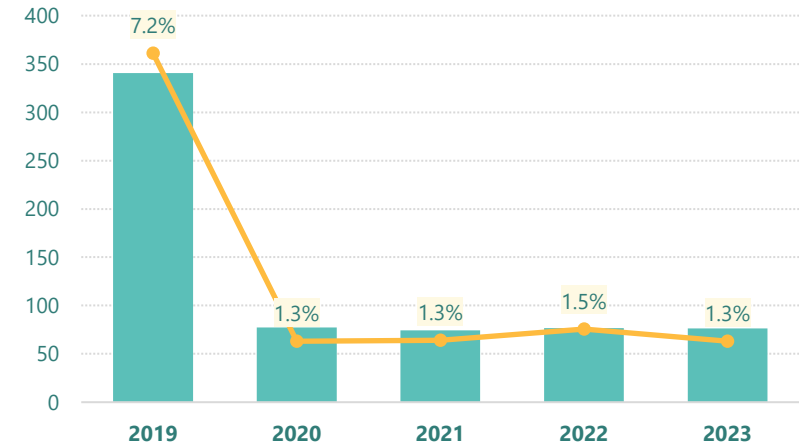


■ Tài sản cố định 
 —●— TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

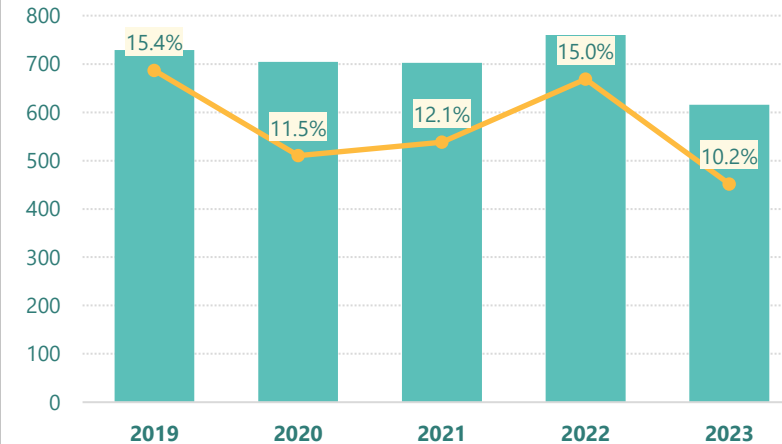


■ Tài sản dở dang 
 —●— TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

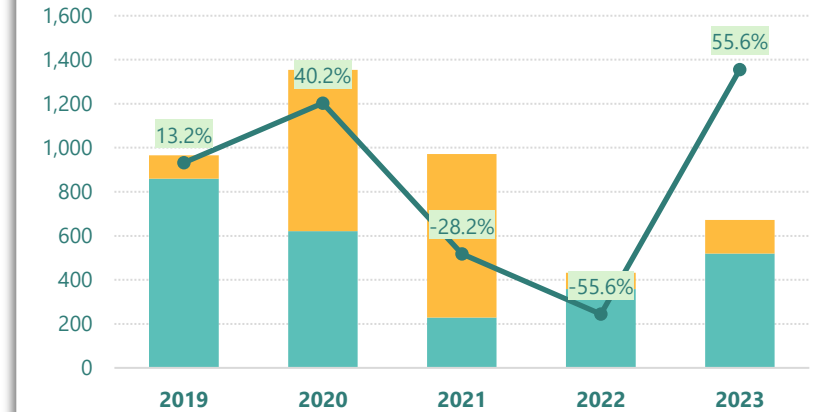


■ Đầu tư tài chính dài hạn 
 —●— ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

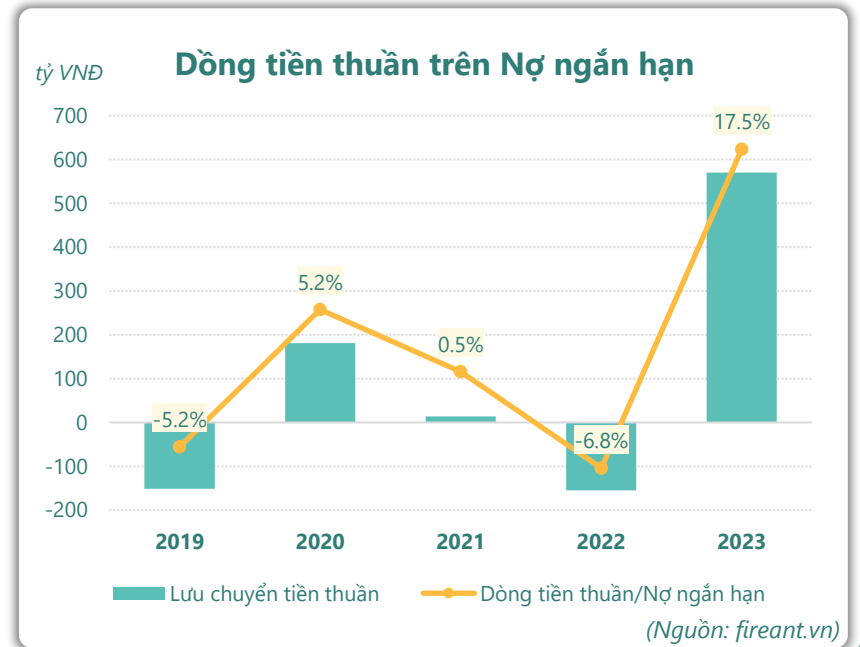
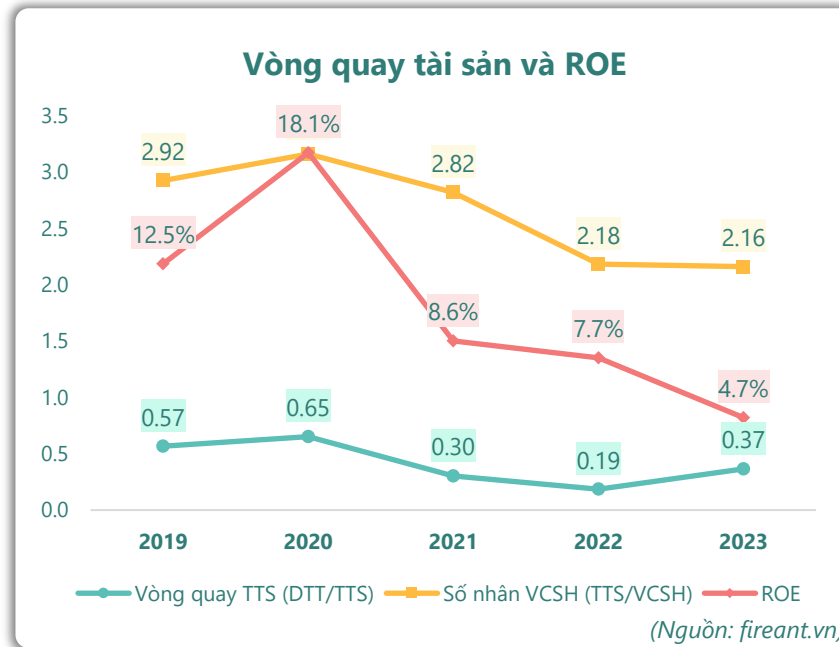
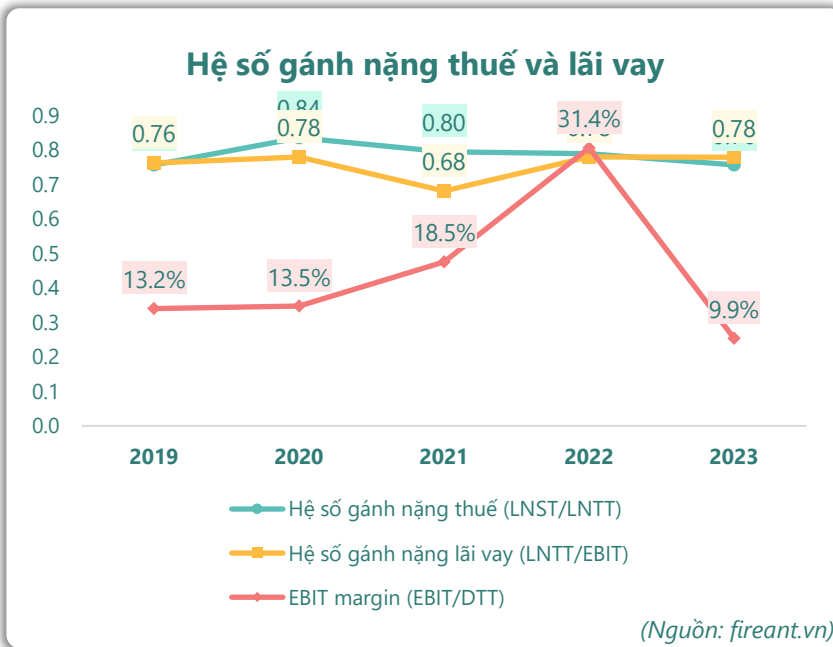
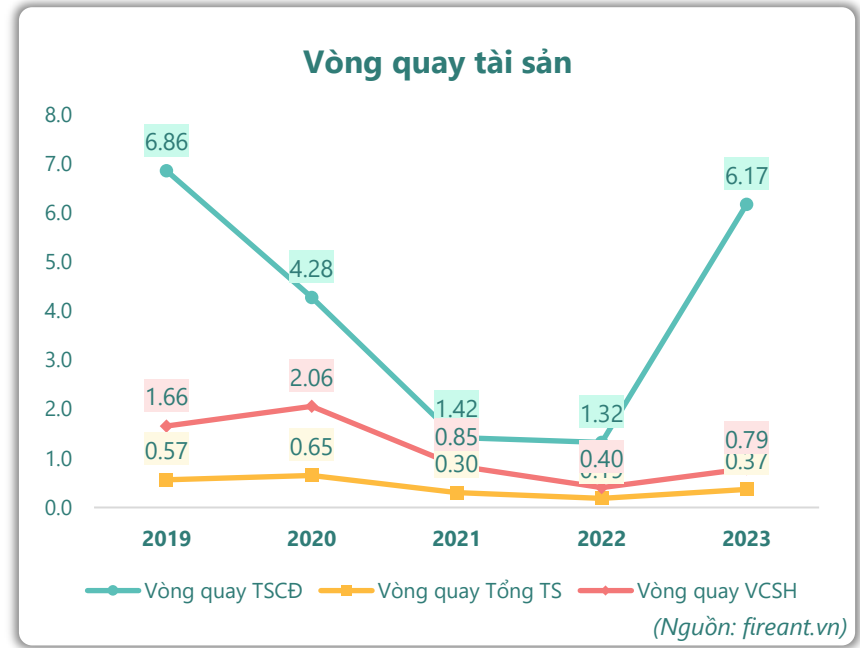
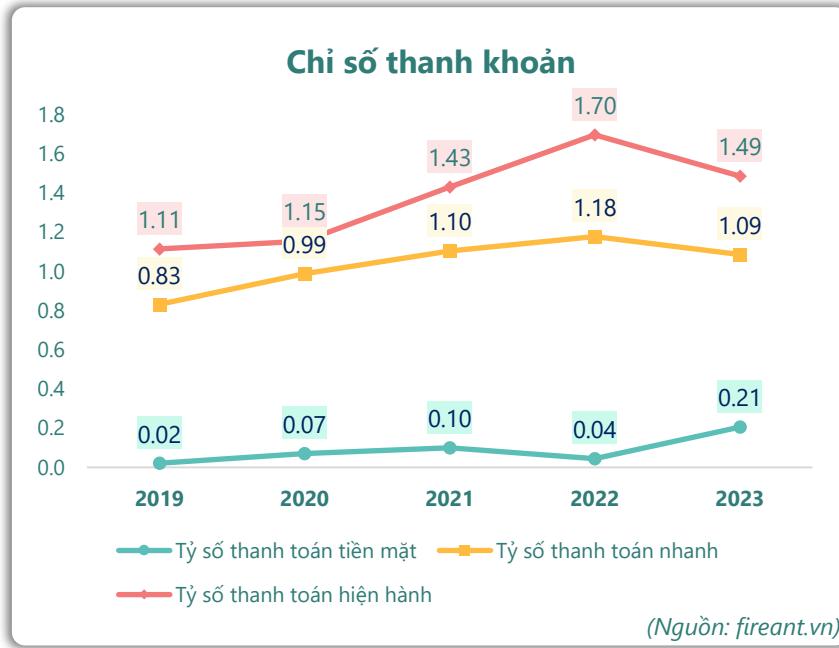
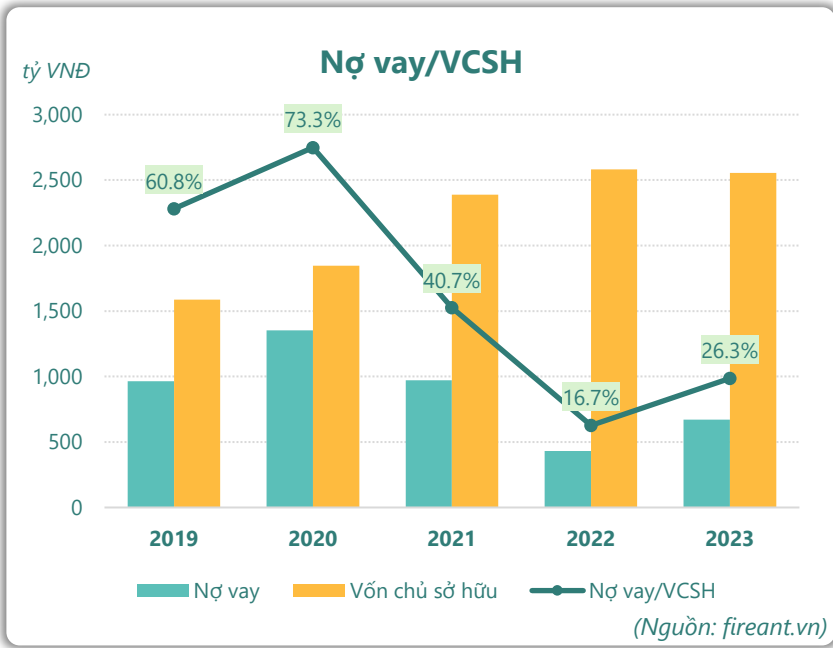
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn 
 ■ Vay và nợ thuê dài hạn 
 —●— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**
*(tỷ VNĐ)*

	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3,536</b>	<b>1,803</b>	<b>1,006</b>	<b>2,031</b>
Giá vốn hàng bán	3,231	1,374	877	1,714
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>305</b>	<b>429</b>	<b>129</b>	<b>317</b>
Doanh thu HĐTC	346	15.5	276	11.3
Chi phí TC	114	107	69.4	46.7
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>105</b>	<b>106</b>	<b>69.4</b>	<b>44.3</b>
LN trong công ty LKLD	1.52	-0.11	0	0
Chi phí bán hàng	7.78	16.9	0	0
Chi phí QLDN	160	83.7	79.0	127
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>372</b>	<b>236</b>	<b>257</b>	<b>154</b>
Lợi nhuận khác	1.22	-8.82	-10.7	2.21
<b>LN trước thuế</b>	<b>373</b>	<b>227</b>	<b>246</b>	<b>156</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>312</b>	<b>181</b>	<b>194</b>	<b>118</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>311</b>	<b>182</b>	<b>192</b>	<b>120</b>

*(Nguồn: fireant.vn)*
**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
*(tỷ VNĐ)*

	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	485	319	-924	322
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-500	-226	663	344
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	196	-79.1	106	-95.7
Tiền đầu kỳ	61.4	242	256	101
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>181</b>	<b>14.0</b>	<b>-155</b>	<b>570</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	242	256	101	671

*(Nguồn: fireant.vn)*
**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
*(tỷ VNĐ)*

	2020	2021	2022	2023
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>6,132</b>	<b>5,805</b>	<b>5,048</b>	<b>6,055</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>3,981</b>	<b>3,668</b>	<b>3,870</b>	<b>4,853</b>
Tiền và tương đương tiền	242	256	101	671
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.7	259	24.4	64.6
Phải thu ngắn hạn	3,043	2,199	2,421	2,750
Hàng tồn kho	574	837	1,184	1,303
Tài sản ngắn hạn khác	82.9	117	140	64.0
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2,152</b>	<b>2,137</b>	<b>1,178</b>	<b>1,202</b>
Phải thu dài hạn	6.37	36.1	38.5	53.0
Tài sản cố định	1,283	1,248	271	387
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản dở dang	77.4	74.4	76.5	76.4
Đầu tư tài chính dài hạn	704	703	760	615
Tài sản dài hạn khác	27.9	29.3	27.1	65.5
Lợi thế thương mại	52.8	46.7	5.96	4.23
<b>Nợ phải trả</b>	<b>4,286</b>	<b>3,416</b>	<b>2,465</b>	<b>3,500</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>3,447</b>	<b>2,564</b>	<b>2,280</b>	<b>3,266</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	622	229	358	520
Phải trả người bán ngắn hạn	1,523	764	585	641
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>839</b>	<b>851</b>	<b>184</b>	<b>234</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	732	743	73.3	152
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,846</b>	<b>2,389</b>	<b>2,583</b>	<b>2,555</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,846</b>	<b>2,389</b>	<b>2,583</b>	<b>2,555</b>
Vốn điều lệ	1,172	1,744	1,916	1,916
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

*(Nguồn: fireant.vn)*